

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Hữu Trí

+ Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đ. T. M. T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ 22, ấp PA, TT. PH, huyện TS, tỉnh AG

- Bị đơn: N. V. P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp HH, xã HBT, huyện CT, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 11/3/2019 nguyên đơn bà Đ. T. M. T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đ. T. M. T và ông N. V. P hai bên quen biết và tổ chức đám cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. PH, huyện TS, tỉnh AG. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống bên nhà chồng, sau đó vợ chồng cất nhà riêng

sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P không lo làm ăn sinh ra ăn chơi không quan tâm đến gia đình và vợ con, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm xảy ra cự cãi thường xuyên dẫn đến ông P thường đánh bà nhiều lần, từ đó vợ chồng bất hòa không tôn trọng và tin tưởng nhau, tháng 02/2018 bà về nhà cha mẹ sống cho đến nay, hiện nay ông P đang sống chung với người phụ nữ khác. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà và ông P có một con chung tên Đ. T. P, sinh ngày 13/7/2017, hiện nay cháu Phát đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định xét xử nhưng ông P không đến theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu TAND huyện CT giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Ông N. V. P có nơi cư trú tại xã HBT, huyện CT, tỉnh AG. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CT, tỉnh AG.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự:

Đối với ông N. V. P, ngày 15/8/2019 Công an xã H BT , huyện CT xác nhận ông P có đăng ký hộ khẩu tại tổ 09, ấp HT, xã HBT, huyện CT, tỉnh AG, ông P vẫn có mặt tại địa phương, khi Tòa án tiến hành gửi các thông báo thì ông P cố tình lánh mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia các phiên họp và phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án xin ly hôn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà T và ông P có đăng ký kết hôn tại UBND TT. PH, huyện TS, tỉnh AG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2017/KH ngày 09/10/2017 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông P được đoàn tụ, nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T, điều đó chứng tỏ ông P không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà T. Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương ngày 15/8/2019 về tình trạng hôn nhân của ông bà T thường xảy ra cự cãi và ông P bà T không còn sống chung gần hai năm nay, ông bà bỏ mặc nhau không còn quan tâm nhau. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

2.2 Về con chung: Ông bà có một con chung tên Đ. T. P sinh ngày 13/7/2017, theo lời trình bày của bà Trinh từ khi ly thân cho đến nay cháu P đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu P đều do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại cháu Phát dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T được tiếp tục nuôi cháu P là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu.

2.4 Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trinh là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. T. M. T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ. T. M. T được ly hôn với ông N. V. P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2017/KH ngày 09/10/2017 do UBND TT.PH, huyện TS, tỉnh AG cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Bà Đ. T. M. T được tiếp tục nuôi con chung tên Đ. T. P sinh ngày 03/12/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Đ. T. M. T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014163 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh AG.

3. Quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2019). Ông P có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Chung